

Số: 1851/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thực hiện dự án “Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp lần đầu; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1432/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố kết quả điều tra, đánh giá đất đai cả nước, các vùng kinh tế - xã hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2014/TT-BTNMT ngày 22/01/2014 quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường; số 33/2016/TT-BTNMT ngày 07/11/2016 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; số 35/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định việc điều tra, đánh giá đất đai; số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai;

Căn cứ Công văn số 5750/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 27/12/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Tổng điều tra, đánh giá tài nguyên đất đai toàn quốc;

Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí Dự án “Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp lần đầu; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4159/TTr-STNMT ngày 01/9/2021 và Công văn số 4818/STNMT-QLĐĐ ngày 11/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thực hiện Dự án “Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp lần đầu; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi” với các nội

dung chính sau đây:

I. VỀ NỘI DUNG

I.1. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ

A. CHẤT LƯỢNG ĐẤT, TIỀM NĂNG ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH QUẢNG NGÃI

1. Kết quả đánh giá chất lượng đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi

Diện tích đất nông nghiệp được điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất lần đầu có 501.150,2 ha (ngoại trừ loại đất sông ngòi, kênh rạch và mặt nước chuyên dùng; đất quốc phòng, an ninh; núi đá không có rừng cây); kết quả như sau:

a) Tổng hợp diện tích chất lượng đất theo mục đích sử dụng

- Đất trồng lúa: Chất lượng cao (CL3) có 29.500,5 ha, chất lượng trung bình (CL2) có 11.150,1 ha và chất lượng thấp (CL1) có 2.821,4 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác: Chất lượng cao (CL3) có 29.828,7 ha, chất lượng trung bình (CL2) có 18.490,9 ha, chất lượng thấp (CL1) có 3.566,5 ha.
- Đất trồng cây lâu năm: Chất lượng cao (CL3) có 13.382,7 ha, chất lượng trung bình (CL2) có 34.826,3 ha, chất lượng thấp có 27.469,2 ha.
- Đất trồng rừng sản xuất: Chất lượng cao (CL3) có 14.883,0 ha, chất lượng trung bình (CL2) có 55.563,3 ha, chất lượng thấp (CL1) có 86.788,4 ha.
- Đất rừng phòng hộ: Chất lượng cao (CL3) có 16.142,7 ha, chất lượng trung bình (CL2) có 30.3072,0 ha, chất lượng thấp (CL1) có 79.239,5 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản: Chất lượng cao (CL3) có 96,5 ha, chất lượng trung bình (CL2) có 545,5 ha, chất lượng thấp (CL1) có 435,4 ha.
- Đất làm muối toàn tỉnh: Chất lượng cao (CL3) 115,6 ha, chất lượng thấp (CL1) có 5 ha.
- Đất công trình: Chất lượng cao (CL3) có 5.960,8ha, chất lượng trung bình (CL2) có 9.096,9 ha, chất lượng thấp (CL1) có 18.021,7 ha.
- Đất khu công nghiệp, khu chế xuất: Chất lượng cao (CL3) có 1.555,9 ha, chất lượng trung bình (CL2) có 48,7 ha, chất lượng thấp (CL1) 606,6 ha.
- Đất sử dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản: Chất lượng cao (CL3) 19,6 ha, chất lượng trung bình (CL2) có 66,2ha; chất lượng thấp (CL1) 365,4 ha.
- Đất công trình năng lượng: Chất lượng cao (CL3) 115,3 ha, chất lượng trung bình (CL2) có 87 ha, chất lượng thấp (CL1) có 1.182,3 ha.
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Chất lượng cao (CL3) có 2,8 ha, chất

lượng trung bình (CL2) có 15,8 ha và chất lượng thấp (CL1) là 57,1 ha.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Chất lượng cao (CL3) có 551,5 ha, chất lượng trung bình (CL2) có 1.620,9 ha, chất lượng thấp (CL1) có 2.687,7 ha.

- Đất phi nông nghiệp còn lại: Chất lượng trung bình (CL2) có 3,7 ha, chất lượng thấp (CL1) có 0,7 ha.

b) Tổng hợp diện tích chất lượng đất theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố

- Diện tích đất có các đơn vị chất lượng đất cao (CL3) phân bố ở các huyện, thị xã, thành phố: Bình Sơn (15.590,4 ha), Mộ Đức (11.588,6 ha), Trà Bồng (19.596,3 ha), Ba Tơ (10.646,9 ha), TP. Quảng Ngãi (9.584,5 ha), Sơn Tịnh (9.281,9 ha), Sơn Hà (8.765,5 ha), Nghĩa Hành (7.886,6 ha), Tư Nghĩa (7.820,3 ha), Đức Phổ (5.927,8 ha), Sơn Tây (3.698,2 ha), Minh Long (2.484,8 ha) và Lý Sơn (631,0 ha).

- Diện tích đất có các đơn vị chất lượng đất trung bình (CL2) phân bố ở các huyện, thị xã, thành phố: Trà Bồng (30.288,1 ha), Sơn Hà (25.475,1 ha), Bình Sơn (18.960,8 ha), Ba Tơ (18.463,8 ha), Sơn Tây (14.389,3 ha), Đức Phổ (13.892,9 ha), Minh Long (8.680,6 ha), Sơn Tịnh (8.582,7 ha), Nghĩa Hành (7.501,2 ha), Tư Nghĩa (7.225,8 ha), Mộ Đức (6.921,9 ha), TP. Quảng Ngãi (3.186,3 ha) và Lý Sơn (111,0 ha).

- Diện tích đất có các đơn vị chất lượng đất thấp (CL1) phân bố ở các huyện, thị xã, thành phố: Ba Tơ (82.948,1 ha), Sơn Hà (36.484,4 ha), Trà Bồng (24.745,1 ha), Sơn Tây (19.911,8 ha), Đức Phổ (16.437,8 ha), Minh Long (12.084,6 ha), Bình Sơn (10.537,5 ha), Nghĩa Hành (7.088,9 ha), Sơn Tịnh (5.675,1 ha), Tư Nghĩa (4.453,8 ha), huyện Mộ Đức (2.346,6 ha), TP. Quảng Ngãi (1.027,1 ha) và Lý Sơn (227,0 ha).

c) Tổng hợp diện tích chất lượng đất toàn tỉnh

- Đất có chất lượng thấp (CL1) toàn tỉnh có 223.967,9 ha chiếm 44,7% tổng diện tích đất điều tra và 37,4% tổng số khoanh đất điều tra.

- Đất có chất lượng trung bình (CL2) toàn tỉnh có 163.679,4 ha, chiếm 32,7% diện tích đất điều tra và 32,2% tổng số khoanh đất điều tra.

- Đất có chất lượng cao (CL3) toàn tỉnh có diện tích 113.503 ha, chiếm 22,6% diện tích đất điều tra và 30,5% tổng số khoanh đất điều tra.

Nhìn chung chất lượng đất của tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu vào loại thấp và trung bình, đất có chất lượng cao ít nên cần quan tâm chỉ đạo bảo vệ, cải tạo và bồi dưỡng đất.

2. Kết quả đánh giá tiềm năng đất đai lần đầu tỉnh Quảng Ngãi

a) Tổng hợp tiềm năng đất theo mục đích sử dụng

- Đất lúa: Có tiềm năng cao (TN3) có 24.622,6 ha; đất có tiềm năng

trung bình (TN2) có 16.500,7 ha; đất có tiềm năng thấp (TN1) là 2.348,6 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Có tiềm năng cao (TN3) là 21.776,7 ha; đất có tiềm năng trung bình (TN2) là 21.174,5 ha; đất có tiềm năng thấp (TN1) là 8.934,9 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: Có tiềm năng cao (TN3) là 17.850,9 ha; đất tiềm năng trung bình (TN2) có 25.849,2 ha; đất có tiềm năng thấp (TN1) là 31.978,1 ha.

- Đất rừng sản xuất: Có tiềm năng cao (TN3) là 17.871,2 ha; đất tiềm năng trung bình (TN2) là 41.911,8 ha; đất có tiềm năng thấp (TN1) có 97.451,6 ha.

- Đất rừng phòng hộ: Có tiềm năng cao (TN3) là 13.960,2 ha; đất tiềm năng trung bình (TN2) có 30.620,2 ha; đất tiềm năng thấp (TN1) có 81.137,7 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Có tiềm năng cao (TN3) là 142,4 ha; tiềm năng trung bình 521 ha; tiềm năng thấp 414,1ha.

- Đất làm muối: Hầu hết diện tích đất làm muối được phân bố ở mức tiềm năng cao với 115,6 ha; diện tích còn lại là 5ha tiềm năng thấp.

- Đất công trình: Có tiềm năng cao (TN3) là 3.883,9 ha; đất có tiềm năng trung bình (TN2) là 11.453,3 ha và đất tiềm năng thấp (TN1) có 17.715,2 ha.

- Đất khu công nghiệp: Có tiềm năng cao (TN3) là 67,9 ha; đất có tiềm năng trung bình (TN2) là 380,1 ha; đất tiềm năng thấp có diện tích là 935 ha.

- Đất công trình năng lượng: Có tiềm năng cao (TN3) là 1.536,5 ha; đất tiềm năng trung bình (TN2) là 336,2 ha; đất tiềm năng thấp (TN1) có 338,4 ha.

- Đất phi nông nghiệp còn lại: Không có đất tiềm năng cao mà chỉ có đất tiềm năng thấp (TN1) có 0,7 ha; đất tiềm năng trung bình (TN2) có 3,7 ha.

b) Tổng hợp diện tích tiềm năng đất theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố

- Diện tích đất có tiềm năng đất đai cao (TN3) phân bố ở các huyện, thị xã, thành phố: Trà Bồng (32.469,1 ha), Đức Phổ (11.776,7 ha), Mộ Đức (11.279,8 ha), Sơn Tịnh (9.264,4 ha), Bình Sơn (6.284, 0 ha), Sơn Hà (7.093,3 ha), Ba Tơ (4. 355,6 ha), Sơn Tây (2.132,8 ha), Nghĩa Hành (1.816,1 ha), TP. Quảng Ngãi (1.646,7 ha), Minh Long (1.607,3 ha) và Lý Sơn (601,7 ha).

- Diện tích đất có tiềm năng đất đai trung bình (TN2) phân bố ở các huyện, thị xã, thành phố: Sơn Tây (24.887,7 ha), Trà Bồng (20.102,7 ha), Nghĩa Hành (16.467,7 ha), Bình Sơn (13.385,9 ha), Ba Tơ (13.336,8 ha), Minh Long (10.031,4 ha), Sơn Tịnh (8.903,0 ha), TP Quảng Ngãi (5.442,7 ha), Mộ Đức (4.119,8 ha), Đức Phổ (3.388,6 ha), Tư Nghĩa (2.999,1 ha) và Lý

Sơn (29,4 ha).

- Diện tích đất có tiềm năng đất đai thấp (TN1) phân bố ở các huyện, thị xã, thành phố: Ba Tơ (92.241,4 ha), Sơn Hà (45.714,4 ha), Trà Bồng (19.296,6 ha), Bình Sơn (17.113,0 ha), Đức Phổ (15.896,6 ha), Minh Long (11.111,2 ha), Sơn Tây (9.527,1 ha), Tư Nghĩa (6.026,4 ha), Mộ Đức (1.925,3 ha), Nghĩa Hành (1.488,0 ha), TP.Quảng Ngãi (1.380,3 ha), Sơn Tịnh (1.270,0 ha) và Lý Sơn (111,0 ha).

c) Tổng hợp diện tích tiềm năng đất toàn tỉnh

+ Tiềm năng đất đai cao có 97.535 ha, chiếm 21,2% tổng diện tích đất điều tra và chiếm 30,6% tổng số khoanh đất.

+ Tiềm năng đất đai trung bình (TN2) có 138.474,8 ha, chiếm 30,2% tổng diện tích đất điều tra và chiếm 40,5% tổng số khoanh đất.

+ Tiềm năng đất đai thấp (TN1) chiếm diện tích lớn nhất, có 233.101 ha, chiếm 48,6% tổng diện tích đất điều tra và chiếm 28,9% tổng số khoanh đất.

Nhìn chung tiềm năng đất của tỉnh chủ yếu là đất có tiềm năng thấp và trung bình, diện tích đất có tiềm năng cao ít nên cần quan tâm chuyển đổi sử dụng đất theo hướng hợp lý hơn.

B. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, PHÂN HẠNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP LẦN ĐẦU TỈNH QUẢNG NGÃI

Tổng diện tích được điều tra, phân hạng đất nông nghiệp lần đầu của tỉnh là 455.115,4 ha, bao gồm đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất nuôi trồng thủy sản và đất làm muối (không đánh giá đối với đất nông nghiệp khác); kết quả phân hạng đất như sau.

1. Đất trồng lúa

Diện tích đất trồng lúa được đánh giá là 43.645,1 ha, chiếm 9,54 % tổng diện tích đất được đánh giá, trong đó:

- Đất rất thích hợp để trồng lúa (H1) 18.204,5 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Mộ Đức (4.764,2 ha), Bình Sơn (3.001,2 ha), Đức Phổ (2.569,1ha), Tư Nghĩa (1.337,2 ha), Ba Tơ (1.715,3 ha), Sơn Tịnh (1.098,5 ha), Nghĩa Hành (1.084,5 ha), Trà Bồng (762,3 ha), Sơn Hà (679,1 ha), Sơn Tây (527,3 ha), TP.Quảng Ngãi (502,6 ha), Minh Long (162,9 ha).

- Đất thích hợp để trồng lúa (H2) có 18.860,1 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Bình Sơn (3.289,8 ha), Sơn Tịnh (3.055,7 ha), Tư Nghĩa (2.615,6 ha), Nghĩa Hành (1.983,0 ha), Đức Phổ (1.550,5 ha), Ba Tơ (1386,3 ha), Sơn Hà (1.138,7 ha), Mộ Đức (607,5 ha), Minh Long (574,9 ha) Trà Bồng (306,3 ha), Sơn Tây (213,4 ha).

- Đất ít thích hợp để trồng lúa (H3) có 6.400,5 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Đức Phổ (1.924,5 ha), Sơn Hà (1.425,1 ha), Ba Tơ (763,7 ha), Nghĩa Hành (495,4 ha), Sơn Tịnh (459,7 ha), Bình Sơn (331,0 ha), Minh Long (326,8 ha), Trà Bồng (289,7 ha), Tư Nghĩa (217,0 ha), TP. Quảng Ngãi (167,5 ha).

2. Đất trồng cây hàng năm khác

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác được đánh giá là 51.778,3 ha, chiếm 11,37 % tổng diện tích đất được đánh giá, trong đó:

- Đất rất thích hợp để trồng cây hàng năm (H1) có 22.486,1 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Bình Sơn (5.034,0 ha), Sơn Tịnh (3.852,8 ha), Mộ Đức (3.398,0 ha), Tư Nghĩa (3.204,6 ha), TP.Quảng Ngãi (2.538,4 ha), Đức Phổ (2.181,3 ha), Nghĩa Hành (1.702,4 ha), Sơn Hà (476,8 ha); Trà Bồng (33,6 ha).

- Đất thích hợp để trồng cây hàng năm (H2) có 21.790,9 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Sơn Hà (7.737,9 ha), Đức Phổ (3.599,7 ha), Bình Sơn (2.565,5 ha), Sơn Tịnh (1.469,9 ha), Tư Nghĩa (1.441,9 ha), Ba Tơ (1.320,4 ha), Nghĩa Hành (1.109,6 ha), Mộ Đức (1.070,2 ha), TP.Quảng Ngãi (439,0 ha), Lý Sơn (438,6 ha), Trà Bồng (310,6 ha), Minh Long (242,3 ha), Sơn Tây (45,0 ha).

- Đất ít thích hợp để trồng cây hàng năm (H3) có 7.501,4 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Sơn Hà (2.810,9 ha), Trà Bồng (1.330,1 ha), Sơn Tây (1.229,3 ha), Bình Sơn (548,8 ha), Ba Tơ (431,1 ha), Sơn Tịnh (415,1 ha), TP.Quảng Ngãi (252,2 ha), Đức Phổ (179,3 ha), Nghĩa Hành (173,4 ha), Minh Long (129,1 ha), Tư Nghĩa (2,2 ha).

3. Đất trồng cây lâu năm

Diện tích đất trồng cây lâu năm được đánh giá là 75.678,1 ha, chiếm 16,62 % tổng diện tích đất được đánh giá, trong đó:

- Đất rất thích hợp để trồng cây lâu năm (H1) có 22.559,6 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Bình Sơn (7.188,3 ha), Trà Bồng (3.541,1 ha), Sơn Hà (3.108,2 ha), Sơn Tịnh (2.532,2 ha), Ba Tơ (2.188,3 ha), Nghĩa Hành (974,4 ha), Minh Long (822,3 ha), Sơn Tây (666,2 ha), Tư Nghĩa (567,2 ha), Mộ Đức (455,4 ha), TP.Quảng Ngãi (371,9 ha), Đức Phổ (144,3 ha).

- Đất thích hợp để trồng cây lâu năm (H2) có 42.298,3 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Trà Bồng (13.057,5 ha), Ba Tơ (6.887,1 ha), Sơn Hà (6.559,0 ha), Sơn Tây (5.579,0 ha), Bình Sơn (3.344,3 ha), Nghĩa Hành (1.736,3 ha), Sơn Tịnh (1.716,9 ha), Minh Long (1.267,6 ha), Đức Phổ (876,8 ha), TP. Quảng Ngãi (536,5 ha), Tư Nghĩa (432,3 ha), Mộ Đức (305,1 ha).

- Đất ít thích hợp để trồng cây lâu năm (H3) có 10.820,2 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Sơn Tây (3.463,9 ha), Đức Phổ (2.028,9 ha), Bình Sơn (1.231,1 ha), huyện Ba Tư (1.188,9 ha), Mộ Đức (532,0 ha), Minh Long (465,8 ha), Trà Bồng (390,4 ha), Sơn Tịnh (240,7 ha), Nghĩa Hành (131,4 ha), TP.Quảng Ngãi (49,6 ha), Lý Sơn (49,2 ha), Tư Nghĩa (41,7 ha).

4. Đất trồng rừng phòng hộ

Diện tích đất rừng phòng hộ được đánh giá là 125.754,2 ha, chiếm 27,63 % tổng diện tích đất được đánh giá, trong đó:

- Đất rất thích hợp để trồng rừng phòng hộ (H1) có 47.551,2 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Ba Tư (22.035,5 ha), Trà Bồng (10.832,0 ha), Minh Long (6.201,6 ha), Sơn Hà (4.252,1 ha), Sơn Tây (2.408,2 ha), Nghĩa Hành (915,8 ha), Bình Sơn (683,2 ha), Lý Sơn (117,6 ha), TP.Quảng Ngãi (98,4 ha), Đức Phổ (6,9 ha).

- Đất thích hợp để trồng rừng phòng hộ (H2) có 68.226,3 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Sơn Hà (16.328,7 ha), Ba Tư (13.384,7 ha), Sơn Tây (13.301,6 ha), Trà Bồng (10.774,6 ha), Đức Phổ (3.869,9 ha), Tư Nghĩa (2.516,8 ha), Mộ Đức (2.477,4 ha), Bình Sơn (1.719,8 ha), Sơn Tịnh (182,7 ha), Nghĩa Hành (106,1 ha).

- Đất ít thích hợp để trồng rừng phòng hộ (H3) có 9.976,7 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Sơn Hà (6.597,9 ha), Sơn Tây (1.401,2 ha), Trà Bồng (1.047,1 ha), Ba Tư (930,4 ha).

5. Đất rừng sản xuất

Diện tích đất trồng rừng sản xuất được đánh giá là 157.234,7 ha, chiếm 34,54 % tổng diện tích đất được đánh giá, trong đó:

- Đất rất thích hợp để trồng rừng sản xuất (H1) có 41.055,1 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Ba Tư (13.649,2 ha); Trà Bồng (11.188,2 ha); Minh Long (4.401,4 ha); Bình Sơn (2.431,5 ha); Sơn Hà (2.135,1 ha); Đức Phổ (1.949,2 ha); Nghĩa Hành (1.551,7 ha); Mộ Đức (729,2 ha); Sơn Tịnh (678,6 ha); TP Quảng Ngãi (603,1 ha); Tư Nghĩa (293,6 ha); Lý Sơn (20,2 ha).

- Đất thích hợp để trồng rừng sản xuất (H2) có 101.560,1 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Ba Tư (40.692,4 ha); Trà Bồng (17.455,1 ha); Sơn Hà (9.971,9 ha); Đức Phổ (7.294,8 ha); Nghĩa Hành (5.722,4 ha); Sơn Tây (5.042,1 ha); Minh Long (4.554,3 ha); Bình Sơn (3.485,3 ha); Sơn Tịnh (2.590,9 ha); Tư Nghĩa (2.465,8 ha); Mộ Đức (2.285,2 ha).

- Đất ít thích hợp để trồng rừng sản xuất (H3) có 14.619,4 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Sơn Hà (3.300,0 ha); Ba Tư (2.714,0 ha); Đức Phổ (2.027,3 ha); Nghĩa Hành (1.909,9 ha); Bình Sơn

(1.360,1 ha); Sơn Tây (1.200,4 ha); Sơn Tịnh (903,2 ha); Tư Nghĩa (668,2 ha); Trà Bồng (335,2 ha); Mộ Đức (198,2 ha); Minh Long (2,9 ha).

6. Đất nuôi trồng thủy sản

Diện tích đất trồng nuôi trồng thủy sản được đánh giá là 1.084,3 ha, chiếm 0,23% tổng diện tích đất được đánh giá, trong đó:

- Đất rất thích hợp để nuôi trồng thủy sản (H1) có 676,7 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: Bình Sơn (194,5 ha); Mộ Đức (168,8 ha); Đức Phổ (113,8 ha); Tư Nghĩa (98,0 ha); TP Quảng Ngãi (53,9 ha); Nghĩa Hành (17,4 ha); Trà Bồng (9,1 ha); Sơn Hà (6,9 ha); Ba Tơ (5,9 ha); Minh Long (4,5 ha); Sơn Tịnh (2,7 ha); Sơn Tây (1,3 ha).

- Đất thích hợp để nuôi trồng thủy sản (H2) có 220,3 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: TP Quảng Ngãi (114,9 ha); Bình Sơn (73,1 ha); Đức Phổ (17,4 ha); Mộ Đức (14,9 ha).

- Đất ít thích hợp để nuôi trồng thủy sản (H3) có 187,4 ha, phân bố theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố: TP Quảng Ngãi (133,1 ha); Đức Phổ (31,5 ha); Bình Sơn (13,4 ha); Sơn Tịnh (6,1 ha); Mộ Đức (1,5 ha); Nghĩa Hành (1,2 ha); Tư Nghĩa (0,5 ha).

7. Đất làm muối

Diện tích đất làm muối rất thích hợp là 49,7 ha, chiếm 41,2% tổng diện tích đất làm muối. Diện tích đất thích hợp là 71 ha, chiếm 58,8% tổng diện tích đất làm muối.

C. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ Ô NHIỄM ĐẤT LÀN ĐÀU TỈNH QUẢNG NGÃI

1. Kết quả xác định số lượng điểm (mẫu) đất bị ô nhiễm, cận ô nhiễm

Kết quả phân tích kim loại nặng hoặc dư lượng hoá chất bảo vệ thực vật của 504 mẫu đất đã lấy tại các nguồn, khu vực có nguy cơ ô nhiễm cho thấy, số mẫu bị ô nhiễm có 77 mẫu, chiếm 15,3% tổng số mẫu phân tích; phân bố theo đơn vị hành chính: Bình Sơn (29 mẫu), TP. Quảng Ngãi (12 mẫu), Tư Nghĩa (8 mẫu), Đức Phổ (8 mẫu), Mộ Đức (7 mẫu), Nghĩa Hành (6 mẫu). Số mẫu cận ô nhiễm có 48 mẫu, chiếm 9,5% tổng số mẫu phân tích; phân bố theo đơn vị hành chính: Bình Sơn (19 mẫu), TP. Quảng Ngãi (11 mẫu), Tư Nghĩa (9 mẫu), Mộ Đức và Đức Phổ, mỗi huyện 1 mẫu.

Trong 6 loại kim loại nặng đã phân tích trong mẫu đất có 27 mẫu do Asen; ô nhiễm đồng (Cu) có 18 mẫu; ô nhiễm kẽm (Zn) có 9 mẫu. Số lượng mẫu cận ô nhiễm asen (As) có 30 mẫu; cận ô nhiễm đồng (Cu) có 28 mẫu.

Số lượng mẫu đất lấy tại các vùng lúa có năng suất cao, thâm canh cao bị ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật chủ yếu là nhóm Clo hữu cơ. Trong đó mẫu đất bị ô nhiễm Dieldrine: 15 mẫu; Số lượng mẫu bị ô nhiễm BHC – beta:

14 mẫu; Số lượng mẫu bị ô nhiễm Endosulfan 2: 9 mẫu; Số lượng mẫu bị ô nhiễm Heptachlor: 8 mẫu, chiếm 13,6%. Số lượng mẫu cận ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật ở mức thấp hơn. Số lượng mẫu cận ô nhiễm 4,4' – DDD: 4 mẫu; Số lượng mẫu cận ô nhiễm 4,4' - DDE: 4 mẫu; Số lượng mẫu cận ô nhiễm Heptachlor: 3 mẫu.

2. Tổng hợp diện tích đất bị ô nhiễm theo nguồn phát thải trên địa bàn tỉnh

Toàn tỉnh có 9 nguồn gây ô nhiễm chính với mức độ khác nhau đã gây ô nhiễm 259,79 ha đất. Phân bố theo các nguồn gây ô nhiễm cụ thể: Khu, cụm công nghiệp 160,89 ha; Làng nghề 0,21 ha; Khu vực khai thác khoáng sản 29,82 ha; Bãi thải, xử lý chất thải công nghiệp 0,10 ha; Bãi chứa chất thải y tế 5,83 ha; Khu vực nuôi trồng, chế biến thủy sản 4,14 ha; Khu vực sử dụng nhiều phân bón, hóa chất BVTN 38,85 ha; Kho thuốc BVTN 16,31 ha; Khu vực nghĩa trang 3,64 ha.

3. Tổng hợp diện tích đất bị ô nhiễm và cận ô nhiễm theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố và toàn tỉnh Quảng Ngãi

- Tổng diện tích đất bị ô nhiễm toàn tỉnh là 259,79 ha. Phân bố ở các huyện, thị xã, thành phố: Bình Sơn 153,7 ha; Đức Phổ 38,04 ha; TP Quảng Ngãi 26,82 ha; Mộ Đức 15,42 ha; Nghĩa Hành 13,92 ha; Sơn Tịnh 3,57 ha; Tư Nghĩa 3,38 ha; Sơn Hà 2,58 ha; Minh Long 2,1 ha và Trà Bồng 0,26 ha.

- Tổng diện tích đất bị cận ô nhiễm toàn tỉnh có 192,34 ha. Phân bố tại các huyện, thị xã, thành phố: Bình Sơn 102,5 ha; Đức Phổ 1,23 ha; TP Quảng Ngãi 49,02 ha; Mộ Đức 2,62 ha; Nghĩa Hành 1,65 ha; Tư Nghĩa 20,68 ha; Trà Bồng 14,14 ha; Sơn Tây 0,5 ha.

4. Tổng hợp diện tích đất bị ô nhiễm, cận ô nhiễm theo mục đích sử dụng đất toàn tỉnh

a) Diện tích đất bị ô nhiễm

Diện tích đất nông nghiệp bị ô nhiễm có 237,25 ha, chiếm 91,3% diện tích bị ô nhiễm toàn tỉnh; Các huyện, thị xã có đất nông nghiệp bị ô nhiễm nhiều gồm: Bình Sơn 141,18 ha, chiếm 59,5% đất nông nghiệp bị ô nhiễm; Đức Phổ 35,2 ha, chiếm 14,8% đất nông nghiệp bị ô nhiễm; TP Quảng Ngãi 24,49 ha, chiếm 10,3% đất nông nghiệp bị ô nhiễm; Nghĩa Hành 13,86; Mộ Đức 13,62 ha; Sơn Tịnh 3,09 ha; Tư Nghĩa 3,02 ha; Sơn Hà 2,58 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp bị ô nhiễm 22,35 ha, chiếm 8,7% diện tích bị ô nhiễm toàn tỉnh. Các huyện có đất phi nông nghiệp bị ô nhiễm với diện tích lớn gồm: Bình Sơn 12,52 ha, Đức Phổ 2,85 ha, TP Quảng Ngãi 2,32 ha, Minh Long 2,1 ha, Mộ Đức 1,81 ha, Sơn Tịnh 0,48 ha, Trà Bồng 0,26 ha, Nghĩa Hành 0,06 ha, Tư Nghĩa 0,15 ha.

b) Diện tích đất bị cận ô nhiễm

- Đất nông nghiệp cận ô nhiễm 165,3 ha, chiếm 85,9% tổng diện tích

đất nông nghiệp cận ô nhiễm toàn tỉnh. Phân bố tại các huyện, thị xã, thành phố: Bình Sơn 77,32 ha, TP Quảng Ngãi 49,02 ha, Tư Nghĩa 20,21 ha, Trà Bồng 14,14 ha, Mộ Đức 2,54 ha, Nghĩa Hành 1,65 ha, Đức Phổ 0,43 ha.

- Đất phi nông nghiệp bị cận ô nhiễm 2,81 ha, chiếm 1,5% tổng diện tích đất phi nông nghiệp cận ô nhiễm toàn tỉnh. Phân bố ở các huyện, thị xã, thành phố: Bình Sơn 0,96 ha; Đức Phổ 0,8 ha; Tư Nghĩa 0,47 ha; Mộ Đức 0,09 ha; Sơn Tây 0,5 ha.

- Đất chưa sử dụng (DCS) bị cận ô nhiễm có 10,92 ha, chiếm 5,5% tổng diện tích đất phi nông nghiệp cận ô nhiễm toàn tỉnh. Phân bố tập trung ở huyện Bình Sơn 10,92 ha.

- Đất có mặt nước ven biển (MVK) bị cận ô nhiễm có 13,31 ha, chiếm 6,9% tổng diện tích đất phi nông nghiệp cận ô nhiễm toàn tỉnh. Phân bố tập trung ở huyện Bình Sơn 13,31 ha.

5. Tổng hợp diện tích đất bị ô nhiễm, cận ô nhiễm theo loại hình sử dụng đất

a) Diện tích đất bị ô nhiễm theo loại hình sử dụng đất

- Loại hình đất chuyên trồng lúa nước (LUC) bị ô nhiễm là 138,72 ha, chiếm 58,5% diện tích đất nông nghiệp bị ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện: Bình Sơn 119,84 ha, TP Quảng Ngãi 13 ha, Tư Nghĩa 1,9 ha, Sơn Tịnh 1,76 ha, Đức Phổ 1,34 ha, Nghĩa Hành 0,87 ha.

- Loại hình đất trồng cây hàng năm khác (BHK) bị ô nhiễm 26,36 ha, chiếm 11,1% tổng diện tích đất nông nghiệp bị ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện: Nghĩa Hành 12,3 ha, Bình Sơn 7,22 ha, Mộ Đức 4,46 ha, Sơn Tịnh 1,33 ha, Tư Nghĩa 1,32 ha.

- Loại hình đất trồng cây lâu năm (CLN) bị ô nhiễm 15,26 ha, chiếm 6,4% tổng diện tích đất nông nghiệp bị ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện, thành phố: TP Quảng Ngãi 10,82 ha, Sơn Hà 2,58 ha, Bình Sơn 0,9 ha; Nghĩa Hành 0,96 ha.

- Loại hình đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên bị ô nhiễm 3,64 ha, chiếm 1,5% tổng diện tích đất nông nghiệp bị ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung toàn bộ ở TX Đức Phổ 3,64 ha.

- Loại hình đất rừng sản xuất là rừng trồng (RST) bị ô nhiễm 15,7 ha, chiếm 6,6% tổng diện tích đất nông nghiệp bị ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện: Bình Sơn 13,22 ha, Mộ Đức 2,48 ha.

- Loại hình đất nuôi trồng thủy sản (NTS) bị ô nhiễm 10,8 ha, chiếm 4,6% tổng diện tích đất nông nghiệp bị ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện, thị xã, thành phố: Mộ Đức 6,68 ha, Đức Phổ 3,45 ha, TP Quảng Ngãi 0,67 ha.

- Loại hình đất ở tại nông thôn (ONT) bị ô nhiễm 6,132 ha, chiếm

27,2% tổng diện tích đất phi nông nghiệp bị ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện, thành phố: Minh Long 2,1 ha, Mộ Đức 1,81 ha, TP Quảng Ngãi 1,54 ha, Sơn Tịnh 0,48 ha, Tư Nghĩa 0,15 ha, Nghĩa Hành 0,06 ha.

- Loại hình đất ở tại đô thị (ODT) bị ô nhiễm 0,95 ha, chiếm 4,2% tổng diện tích đất phi nông nghiệp bị ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện, thị xã, thành phố: Đức Phổ 0,61 ha, Trà Bồng 0,26 ha, TP Quảng Ngãi 0,08 ha.

- Loại hình đất chuyên dùng (CDG) bị ô nhiễm 5,59 ha, chiếm 24,8% tổng diện tích đất phi nông nghiệp bị ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung toàn bộ tại huyện Bình Sơn 5,59 ha.

- Loại hình đất khu công nghiệp (SKK) bị ô nhiễm 7,64 ha, chiếm 33,9% tổng diện tích đất phi nông nghiệp bị ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện, thành phố: Bình Sơn 6,93 ha, TP Quảng Ngãi 0,71 ha.

- Loại hình đất có mặt nước chuyên dùng (MNC) bị ô nhiễm 2,24 ha, chiếm 9,9% tổng diện tích đất phi nông nghiệp bị ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở thị xã Đức Phổ 2,24 ha.

b) Diện tích đất cận ô nhiễm theo loại hình sử dụng đất

- Loại hình đất chuyên trồng lúa nước (LUC) cận ô nhiễm 129,02 ha, chiếm 78,1% diện tích đất nông nghiệp cận ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện, thành phố: Bình Sơn 71,74 ha, TP Quảng Ngãi 33,02 ha, Tư Nghĩa 20,07 ha, Mộ Đức 2,54 ha, Nghĩa hành 1,65 ha.

- Loại hình đất trồng cây hàng năm khác (BHK) cận ô nhiễm 8,59 ha, chiếm 5,2% tổng diện tích đất nông nghiệp cận ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện, thành phố: Bình Sơn 5,58 ha, TP. Quảng Ngãi 2,87, Tư Nghĩa 0,14 ha.

- Loại hình đất trồng cây lâu năm (CLN) cận ô nhiễm 14,14 ha, chiếm 8,6% tổng diện tích đất nông nghiệp cận ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở huyện Trà Bồng 14,14 ha.

- Loại hình đất rừng sản xuất là rừng trồng (RST) cận ô nhiễm 1,51 ha, chiếm 0,1% tổng diện tích đất nông nghiệp cận ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở TP Quảng Ngãi 1,51 ha.

- Loại hình đất nuôi trồng thủy sản (NTS) cận ô nhiễm 11,62 ha, chiếm 7% tổng diện tích đất nông nghiệp cận ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở TP Quảng Ngãi 11,62 ha.

- Loại hình đất ở tại nông thôn (ONT) cận ô nhiễm 1,06 ha, chiếm 37,7% tổng diện tích đất phi nông nghiệp cận ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện: Tư Nghĩa 0,47 ha, Mộ Đức 0,09 ha, Sơn Tây 0,5 ha.

- Loại hình đất chuyên dùng (CDG) cận ô nhiễm 0,96 ha, chiếm 34,2% tổng diện tích đất phi nông nghiệp cận ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung

toàn bộ tại huyện Bình Sơn 0,96 ha.

- Loại hình đất có mặt nước chuyên dùng (MNC) cận ô nhiễm 0,8 ha, chiếm 28,5% tổng diện tích đất phi nông nghiệp cận ô nhiễm toàn tỉnh, trong đó tập trung ở thị xã Đức Phổ 0,8 ha.

- Loại hình đất bằng chưa sử dụng (BCS) cận ô nhiễm 10,92 ha, tập trung ở huyện Bình Sơn 10,92 ha.

- Loại hình đất có mặt nước ven biển (MVK) cận ô nhiễm 13,31 ha, tập trung ở huyện Bình Sơn 13,31 ha.

I.2. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ ĐẤT VÀ ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT BỀN VỮNG

1. Xác định quan điểm, mục tiêu chiến lược khai thác tài nguyên đất bền vững

a) Sử dụng đất đai hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững

Đất đai là tài sản quốc gia vô cùng quý giá không những chỉ là tư liệu sản xuất đặc biệt mà còn là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn phân bố các khu dân cư, các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh và quốc phòng, v.v... Trong khi đó nguồn tài nguyên đất của tỉnh Quảng Ngãi rất hạn hẹp nhưng phải đối mặt với nhiều thách thức do suy giảm diện tích đất sản xuất nông nghiệp cả về số lượng và chất lượng, nhu cầu sử dụng đất của các ngành ngày càng gia tăng; vì vậy, việc sử dụng đất đai phải hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm và bền vững.

b) Công tác quản lý sử dụng đất đai phải dung hoà được các mục tiêu sử dụng đất

Công tác quản lý sử dụng đất đai phải dung hoà được các mục tiêu sử dụng, giảm bớt các xung đột gia tăng giữa dân số và an ninh lương thực; giữa công nghiệp hóa, đô thị hóa dưới tác động của biến đổi khí hậu với việc đảm bảo quỹ đất sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực; quyền sử dụng đất đai; giữa công cụ quản lý kinh tế và công cụ quản lý hành chính; giữa đáp ứng nhu cầu hiện tại với việc đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai; trong đó cần chú trọng:

- Ưu tiên bố trí quỹ đất có chất lượng, tiềm năng cao, rất thích hợp hoặc thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, đầu tư thâm canh gắn với chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Tập trung vào các loại cây trồng nông nghiệp có lợi thế theo nguyên tắc “Đất nào cây ấy” dựa trên phân hạng khả năng thích hợp của đất đai với loại cây trồng có lợi thế bao gồm cả cây hàng năm (lúa, ngô); cây thực phẩm (rau, đậu đỗ, tỏi); cây công nghiệp lâu năm (chè, quế) và cây ăn quả, hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hoá quy mô lớn, tập trung để áp dụng đồng bộ cơ giới hoá, các kỹ thuật canh tác hiện đại gắn với việc hình thành các cơ sở chế biến sâu, nâng cao năng suất cây trồng và năng suất lao động, góp phần chuyển dịch lao động trong nông nghiệp.

- Duy trì quy mô diện tích rừng hiện có bao gồm đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và mở rộng trên đất chưa sử dụng kết hợp trồng cây lâm nghiệp phân tán trong các vườn hộ gia đình, đường giao thông, các công sở, trường học, bệnh viện, khu dân cư nông thôn, khu đô thị, khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 285 nghìn ha, độ che phủ đạt trên 55% ... hình thành không gian xanh như lá chắn để giữ đất, giữ nước, chắn gió bão, nắng nóng, đảm bảo cân bằng sinh thái và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

c) Để sử dụng đất bền vững công tác quản lý sử dụng đất phải dựa trên 3 trụ cột là kinh tế, xã hội và môi trường. Tỉnh Quảng Ngãi không đánh đổi môi trường để lấy kinh tế là quan điểm xuyên suốt trong quá trình bố trí sử dụng đất, ra quyết định giao đất cho phát triển các khu công nghiệp, thủ công nghiệp, làng nghề và phải nói không với các công nghệ lạc hậu, lỗi thời có nguy cơ xả thải các độc tố ra môi trường đất, nước.

2. Xác định các giải pháp về quản lý, sử dụng đất bền vững

a) Giải pháp chung

- Giải pháp quy hoạch sử dụng đất;
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và tập trung đất đai để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đáp ứng mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững;
- Quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp sang các mục đích khác;
- Hoàn thiện hệ thống dữ liệu và hệ thống thông tin lưu trữ về đất đai phục vụ công tác quản trị tài nguyên dựa trên áp dụng công nghệ số;
- Giải pháp tăng cường năng lực hệ thống các cơ quan quản lý đất đai của tỉnh;
- Phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về chính sách pháp luật đất đai, chính sách bảo vệ môi trường đất;
- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chính sách pháp luật đất đai, Luật bảo vệ môi trường;

b) Giải pháp quản lý môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm đất để sử dụng bền vững tài nguyên đất

- Quản lý chặt chẽ các nguồn chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải có nguy cơ xả thải kim loại nặng, các hoá chất bảo vệ thực vật và các độc tố khác ra môi trường đất, môi trường nước;
- Thực hiện chế tài phạt tiền đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất nhưng để ô nhiễm đất theo quy định của Luật bảo vệ môi trường;
- Xây dựng mới và hoàn thiện Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn

công nghiệp, y tế; nước thải tập trung từ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề.

3. Xác định các giải pháp kỹ thuật để bảo vệ và cải tạo đất

a) Giải pháp chung đối với đất đai

- Giải pháp bảo vệ chất lượng đất độc;
- Giải pháp kỹ thuật phòng chống hạn để duy trì, nâng cao chất lượng, tiềm năng đất nông nghiệp;
- Giải pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp bao gồm: Công nghệ tưới phun mưa; Công nghệ tưới cục bộ tiết kiệm nước; Công nghệ và kỹ thuật tưới nhỏ giọt cho cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm;
- Giải pháp kỹ thuật xây dựng mô hình nông lâm kết hợp;
- Giải pháp cải tạo độ phì đất: Cải thiện chất hữu cơ của đất bằng biện pháp trả lại phế phụ phẩm nông nghiệp như rơm, rạ, thân cây ngô, đậu, lạc. Đồng thời gia tăng nguồn đạm tổng số trong đất; trong sản xuất nông nghiệp cần chú trọng bón kali do kali đã trở thành yếu tố hạn chế năng suất, chất lượng nông sản ở Quảng Ngãi; cải tạo đất chua bằng biện pháp bón phân lân nung chảy;
- Giải pháp hạn chế xâm nhiễm mặn.

b) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất bị ô nhiễm

- Sử dụng một số loại thực vật để cải tạo đất bị ô nhiễm kim loại nặng;
- Giải pháp kỹ thuật sử dụng than sinh học để cải tạo đất bị ô nhiễm kim loại nặng, ô nhiễm hữu cơ và hoá chất bảo vệ thực vật;
- Giải pháp kỹ thuật sử dụng than sinh học để ủ với phân chuồng bón cho cây trồng trên các vùng đất ô nhiễm kim loại nặng;
- Thay đổi môi trường bằng cách bón vôi để khử chua hoặc chuyển trạng thái kim loại nặng từ di động sang cố định ít độc hại. Đặc biệt có thể chuyển từ trạng thái oxy hoá sang trạng thái yếm khí.

4. Đề xuất định hướng sử dụng đất bền vững

a) Định hướng sử dụng đất cho nông nghiệp

- Định hướng sử dụng đất trồng lúa và vùng chuyên canh lúa có chất lượng cao, lúa hữu cơ;
- Vùng chuyên canh ngô hàng hoá phục vụ chế biến;
- Vùng chuyên canh cây sắn nguyên liệu chế biến;
- Vùng chuyên canh mía nguyên liệu phục vụ chế biến đường và các sản phẩm ngoài đường;

- Vùng cây ăn quả hàng hoá;
- Vùng trồng chè nguyên liệu phục vụ chế biến;
- Vùng phát triển quế;
- Vùng chuyên canh rau, cây hành tỏi.

b) Định hướng sử dụng đất cho lâm nghiệp

Đất lâm nghiệp được định hướng sử dụng cho việc hình thành không gian xanh có quy mô ổn định khoảng 282.988,6 ha, trong đó cần ổn định 125.754,2 ha rừng phòng hộ ở các huyện phía Tây tỉnh như: Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng, Nghĩa Hành, Minh Long theo hướng gia tăng mật độ trồng mới cây dược liệu, cây lâm nghiệp đa tác dụng, cây chè hoa vàng ... có thể coi việc duy trì, bảo vệ và làm giàu rừng phòng hộ như là bảo vệ “Mái nhà chung”, góp phần giữ đất, giữ nước, hạn chế đến mức tối đa tình trạng xói mòn đất. Những diện tích rừng phòng hộ phân tán trên các gò đồi của các huyện nằm ở vùng chuyển tiếp giữa miền núi đến đồng bằng và rừng phòng hộ ven biển cũng cần phải được bảo vệ, lập kế hoạch trồng bổ sung cây lâm nghiệp hoặc cây ăn quả. Đồng thời sử dụng hiệu quả 157.234,7 ha đất rừng sản xuất hiện có, chức năng chính là phát triển kinh tế nhưng giá trị gia tăng thấp nên cần chuyển đổi một phần sang trồng chè, cây ăn quả, đồng cỏ chăn nuôi trâu bò ở những nơi thích hợp. Mặt khác, để nâng cao hiệu quả kinh tế của rừng sản xuất cần áp dụng mô hình trồng cây gỗ lớn theo Tiêu chuẩn FSC của Châu Âu phục vụ chế biến ở những nơi ít gió, tầng đất dày. Mặt khác đưa diện tích đất chưa sử dụng vào trồng rừng sản xuất, thay thế một phần diện tích chuyển sang trồng cây lâu năm, cùng với cây lâm nghiệp phân tán theo chương trình trồng 1 tỉ cây lâm nghiệp, từ nay đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi vẫn có thể đạt độ che phủ trên 55%.

c) Định hướng sử dụng đất cho nuôi trồng thủy sản

Nuôi trồng thủy sản là lợi thế so sánh, tạo giá trị gia tăng lớn nhất trong các ngành, lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, tỉnh Quảng Ngãi không có nhiều diện tích đất nuôi trồng thủy sản, đến năm 2019 diện tích nuôi trồng thủy sản theo hiện trạng chỉ có 1.084,3 ha. Định hướng sử dụng đất cho nuôi trồng thủy sản là duy trì diện tích hiện có nhưng cần có giải pháp cải tạo ao nuôi có tiềm năng đất thấp (TN1) do đã bị ô nhiễm hữu cơ.

d) Định hướng sử dụng đất cho phi nông nghiệp

Nhu cầu đất phi nông nghiệp ngày càng tăng cao, nhất là tại các khu vực đồng bằng ven biển, các trung tâm đô thị. Định hướng chung là cần sử dụng đất phi nông nghiệp tiết kiệm, ưu tiên mở rộng trên các đất có tiềm năng nông nghiệp thấp, hạn chế đến mức tối đa chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp có mức rất thích hợp hoặc thích hợp sang đất phi nông nghiệp. Trong tương lai gần nghiên cứu phát triển đô thị nghỉ dưỡng trên núi Cà Đam.

e) Định hướng sử dụng đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2019 còn không nhiều (3.588,7 ha) so với các tỉnh trong vùng, trong đó có 3.117,5 ha đất bằng và 431,5 ha đất đồi núi. Định hướng sử dụng đất chưa sử dụng là khai thác đưa vào trồng rừng phòng hộ, trước mắt ưu tiên khai thác diện tích đất bằng ven biển trồng rừng phòng hộ.

II. VỀ SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN

1. Sản phẩm Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi

(1) Báo cáo tổng hợp kết quả Dự án “Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu tỉnh Quảng Ngãi” và báo cáo tổng kết Dự án.

(2) Các loại bản đồ, tỷ lệ 1: 100.000, gồm:

- + Bản đồ chất lượng đất;
- + Bản đồ tiềm năng đất đai.

(3) Bảng biểu tổng hợp Hệ thống chỉ tiêu thống kê diện tích các đơn vị chất lượng đất theo loại đất và theo mục đích sử dụng quy định tại Phụ lục 8 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(4) Bảng biểu tổng hợp Hệ thống chỉ tiêu thống kê diện tích tiềm năng đất đai theo mục đích sử dụng của tỉnh Quảng Ngãi quy định tại Phụ lục 9 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(5) Báo cáo chuyên đề “Phân tích, đánh giá các quá trình hình thành, biến đổi chất lượng đất, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đất của tỉnh Quảng Ngãi”.

(6) Báo cáo chuyên đề “Phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tiềm năng đất đai của tỉnh Quảng Ngãi”.

(7) Đĩa CD ghi dữ liệu các sản phẩm bàn giao.

2. Sản phẩm Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp lần đầu tỉnh Quảng Ngãi

(1) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Dự án “Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi” và báo cáo tổng kết Dự án.

(2) Báo cáo chuyên đề: Phân tích, đánh giá mức độ phù hợp của hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp với kết quả phân hạng của tỉnh Quảng Ngãi.

(3) Bảng tổng hợp Hệ thống chỉ tiêu thống kê diện tích kết quả phân hạng đất nông nghiệp lần đầu tỉnh Quảng Ngãi.

(4) Bản đồ phân hạng đất nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi tỷ lệ 1/100.000.

(5) Đĩa CD ghi dữ liệu các sản phẩm bàn giao.

3. Sản phẩm Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi

(1) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Dự án “Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi.”

(2) Các loại bản đồ đất bị ô nhiễm

+ Bản đồ 14 khu vực bị ô nhiễm tỉ lệ 1/5.000;

+ Bản đồ đất bị ô nhiễm tỷ lệ 1/25.000 của 5 huyện (có từ 2 khu vực bị ô nhiễm);

+ Bản đồ ô nhiễm đất tỉnh Quảng Ngãi tỉ lệ 1/100.000;

(3) Bảng biểu tổng hợp Hệ thống chỉ tiêu thống kê diện tích đất bị ô nhiễm của tỉnh Quảng Ngãi;

(4) Báo cáo chuyên đề: Thực trạng, nguyên nhân và cảnh báo hướng lan toả ô nhiễm đất;

(5) Đĩa CD ghi dữ liệu các sản phẩm bàn giao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về nội dung kiểm tra trình phê duyệt kết quả thực hiện Dự án “Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp lần đầu; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi”.

b) Ký duyệt các sản phẩm trung gian của dự án “Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp lần đầu; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi” và chịu trách nhiệm hoàn thành dự án **trước ngày 30/11/2021**.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan công bố kết quả Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp lần đầu; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Báo cáo kết quả Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp lần đầu; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi về Bộ Tài nguyên và Môi trường đúng quy định.

e) Sử dụng kết quả của dự án để làm căn cứ trong công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất các cấp đến năm 2030 nhằm đảm bảo việc chuyển đổi mục đích sử dụng các loại đất, đặc biệt là các loại đất nông nghiệp, vừa đảm bảo đáp ứng yêu cầu sử dụng vừa đảm bảo phát triển

bền vững.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối với các Sở, ban, ngành có liên quan:

Sử dụng kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp lần đầu; điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu làm cơ sở xây dựng các phương án chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nhằm bảo vệ, cải tạo đất, phòng chống suy thoái đất; đa dạng hoá các sản phẩm nông nghiệp, vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá tập trung, vùng nông nghiệp công nghệ cao và các ngành kinh tế của tỉnh trước những tác động của biến đổi khí hậu, môi trường.

3. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tuyên truyền người sử dụng đất nâng cao nhận thức về việc quản lý, sử dụng đất bền vững, ngăn ngừa ô nhiễm đất do xả thải kim loại nặng vào môi trường đất, môi trường nước; lạm dụng hoá chất bảo vệ thực vật trong phòng trừ sâu bệnh; áp dụng các giải pháp kỹ thuật trong sử dụng đất nông nghiệp nói chung và đất sản xuất nông nghiệp nói riêng nhằm chống suy giảm chất lượng đất, môi trường đất, góp phần sử dụng bền vững đất.

b) Sử dụng kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; điều tra, phân hạng đất nông nghiệp; điều tra, đánh giá ô nhiễm đất làm cơ sở xây dựng phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng; phương án cải tạo đất bị ô nhiễm nhằm bảo vệ, cải tạo đất, phòng chống suy thoái đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Công Thương, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NN), CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Inphong687)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Phước Hiền